TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NAM TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **169**/2017/HSST
Ngày: 22/8/2017.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: **Ông Trần Thắng;**

- *Các Hội thẩm nhân dân*: **Ông Bùi Bá Huynh**;

Ông Nguyễn Việt Chiến.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:

Bà Nguyễn Thị Thanh Giang, Cán bộ Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N*: Ông Lê Xuân Trường, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Nhà văn hóa phường C, quận N, thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 184/2017/HSST, ngày 26/7/2017 đối với các bị cáo:

1. Bùi Thị T, sinh năm 1987; Giới tính: Nữ; Đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn 6, H, T, H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa:12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Văn N, sinh năm 1964 và bà Phạm Thị M, sinh năm 1967.

Tiền án, tiền sự: Không.

Danh chỉ bản số 0253 lập ngày 07/4/2017 tại Công an quận Nam Từ Liêm; Bắt tạm giam ngày 31/3/2017 - Có mặt tại phiên toà.

2. Bùi Minh N, sinh năm 1997; Giới tính: Nam; Đăng ký nhân khẩu thường trú: N, H, B, H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Văn M, sinh năm 1969 và bà Ngô Thị Y, sinh năm 1972.

Tiền án, tiền sự: Không.

Danh chỉ bản số 0254 lập ngày 07/4/2017 tại Công an quận Nam Từ Liêm; Bắt tạm giam ngày 30/3/2017 - Có mặt tại phiên toà.

3. Nguyễn Trọng T, sinh năm 1996; Giới tính: Nam; Đăng ký nhân khẩu thường trú: M, K, T, H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Trọng P, sinh năm 1970 và bà Đinh Thị T, sinh năm 1968.

Tiền án, tiền sự: Không.

Danh chỉ bản số 0255 lập ngày 07/4/2017 tại Công an quận Nam Từ Liêm; Bắt tạm giam ngày 31/3/2017 - Có mặt tại phiên toà.

4. Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1990; Giới tính: Nam; Đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 65 T, T, Đ, Hà Nội ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Đức M, sinh năm 1963 và bà Lê Thị T, sinh năm 1968.

Tiền án, tiền sự:

Tiền án:

- Tại bản án số 171/2011/HSST ngày 15/12/2011, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử 18 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Ra trại ngày 12/5/2013 (Chưa được xóa án tích).

- Tại bản án số 95/2014/HSST ngày 28/8/2014, Tòa án nhân dân Hện C, Hà Nội xử 30 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Ra trại ngày 25/8/2016 (Chưa được xóa án tích).

Tiền sự:

- 23/01/2017, Công an phường Q, Đ, Hà Nội xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Danh chỉ bản số 0256 lập ngày 07/4/2017 tại Công an quận Nam Từ Liêm; Bắt tạm giam ngày 31/3/2017 - Có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 30/3/2017, tại số nhà 18 ngõ 180 Đ, M, N, Hà Nội, tổ công tác Công an phường M, N, Hà Nội, phát hiện bắt quả tang Bùi Minh N có hành vi tàng trữ chất ma túy tổng hợp, vật chứng thu giữ: Thu giữ của Bùi Minh N: 01 túi nilon chứa chất bột màu trắng, 01 điện thoại Nokia màu đỏ đen gắn 2 sim có số thuê bao là 0985505255 và 01682055833.

Tổ công tác tiếp tục kiểm tra phòng 201 nhà số 18 ngõ 180 Đ, M, N, Hà Nội của Nguyễn Hoàng S phát hiện trong phòng trọ có Nguyễn Trúc L (SN 08/12/1999, NKTT: số 12 ngõ T, B, H, Hà Nội) và Nguyễn Thị T H (SN 1991, NKTT: 149 T, C, B, Hà Nội), thu giữ trên mặt bàn: 01 túi nilon chứa tinh thể màu trắng (kích thước 5x5 cm); thu giữ tại góc cửa sổ, sau rèm vải: 01 hộp giấy màu trắng (kích thước 6x5x2 cm) bên trong chứa: 40 viên nén màu nâu, nhãn hiệu chữ "K" đựng trong 05 túi nilon (03 túi đựng 10 viên và 02 túi đựng 05 viên), 01 túi nilon chứa 07 viên nén màu trắng nhãn hiệu dấu "-" và 05 túi nilon tinh thể màu trắng.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Bùi Minh N tại số 12 ngách 530/24 T, phường B, T, Hà Nội, thu giữ:

- 09 viên nén màu nâu nhãn hiệu chữ “K”.
- 08 túi nilon chứa tinh thể màu trắng.
- 01 cân điện tử màu đen.

Tại Cơ quan điều tra các đối tượng khai nhận: Do có nhu cầu mua ma túy để sử dụng trên các quán Bar tại Hà Nội, ngày 20/3/2017 Bùi Minh N mua 50 viên ma túy (thuốc lắc nhãn hiệu chữ "K") và 10 viên ma túy (thuốc lắc nhãn hiệu chữ "I") của nam T niên tên C (chưa xác định) giá 200.000 đồng/01 viên về sử dụng. Ngày 22/3/2017, N gọi điện thoại cho Bùi Thị T hỏi mua 12,5 gam Ketamine, T báo giá 10.000.000 đồng. Tối cùng ngày, T đi taxi từ H đến giao ma túy cho N tại phòng trọ số 18 ngõ 180 Đ, M, N, Hà Nội. N thanh toán tiền cho T 12.000.000 đồng (trong đó 10.000.000 đồng tiền mua ma túy, 2.000.000 đồng tiền cước taxi).

Sau khi mua được số ma túy Ketamine và thuốc lắc, N mang về số nhà 12 ngách 503/24 T, phường B, T, Hà Nội cất giấu. Sau đó N mua 01 cân điện tử về chia số ma túy mua được thành nhiều túi nhỏ để sử dụng dần và đã sử dụng hết bốn viên ma túy thuốc lắc và túi Ketamine nhỏ.

Chiều ngày 29/3/2017, N cho 05 túi Ketamine, 03 túi (mỗi túi đựng 10 viên ma túy thuốc lắc nhãn hiệu chữ "K"), 02 túi (mỗi túi đựng 05 viên ma túy thuốc lắc nhãn hiệu chữ "K"), 01 túi nilon đựng 07 viên ma túy (thuốc lắc nhãn hiệu chữ "I") vào hộp giấy màu trắng (kích thước 6x5x2 cm), rồi gọi điện thoại cho Nguyễn Trọng T, nhờ mang hộp ma túy về phòng 201 nhà số 18 ngõ 180 Đ, M, N, Hà Nội cất giấu. Do được N nuôi ăn, ở không thu tiền nên T biết là ma túy nhưng vẫn đồng ý vận chuyển cho N. Khi về nhà trọ Đ, T lấy hộp giấy chứa ma túy giấu ở góc cửa sổ rồi đi chơi.

Bùi Minh N sau khi giao ma túy cho T, mang 01 túi Ketamine lên quán Bar tại 119 P, H, Hà Nội sử dụng cùng bạn bè xã hội, đến khoảng 01 giờ 00 ngày 30/3/2017 gọi T bắt taxi đón về nhà trọ Đ thì bị lực lượng Công an kiểm tra bắt giữ cùng tang vật.

Chiều ngày 29/3/2017, Nguyễn Hoàng S được T (chưa xác định) cho 01 túi ma túy đá để sử dụng. Khoảng 16 giờ cùng ngày, S mang túi ma túy đá về phòng trọ, lấy một phần cho vào tẩu hút và cho Nguyễn Trúc L, Nguyễn Thị T H sử dụng cùng. Phần ma túy còn thừa trong túi nilon (kích thước 5x5 cm) S để trên mặt bàn để sử dụng dần.

Sau khi bắt giữ Bùi Minh N, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận N cho N lập công chuộc tội bằng biện pháp gọi điện thoại cho Bùi Thị T hỏi mua ma túy để T bộc lộ hành vi phạm tội. Khoảng 03 giờ 40’ ngày 31/3/2017, Bùi Thị T đi xe taxi mang 02 túi nilon chứa tinh thể màu trắng và 25 viên nén màu xám nhãn hiệu “-” bán cho N tại phòng 201 số nhà 18 ngõ 180 Đ, M, N, Hà Nội thì bị lực lượng Công an bắt giữ. Ngoài ra, Cơ quan Công an còn thu giữ của T 01 điện thoại di động Iphone màu trắng- vàng gắn sim có số thuê bao 0963553320. Khi đi, T rủ Hoàng Hữu H (SN 14/3/1999, NKTT : T, T, H) đi cùng. Tuy nhiên, H không biết T bán ma túy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận N không xử lý đối với Hoàng Hữu H.

Kết luận giám định số 2798 ngày 11/5/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội xác định:

* Tang vật thu giữ tại phòng trọ số 12 ngách 530/24 T, phường B, T, Hà Nội của Bùi Minh N gồm:

- Tinh thể màu trắng bên trong 08 túi nilon đều là ma túy loại Ketamine, tổng trọng lượng 2,801 gam;

- 09 viên nén màu nâu nhãn hiệu chữ "K" đều là ma túy loại MDMA, tổng trọng lượng 2,143 gam;

- 01 cân điện tử màu đen có dính ma túy loại Ketamine.

* Tang vật thu giữ của Bùi Thị T gồm:

- Tinh thể màu trắng bên trong 01 túi nilon là ma túy loại Ketamine, tổng trọng lượng 24,821 gam;

- Tinh thể màu trắng bên trong 01 túi nilon là ma túy loại Ketamine, tổng trọng lượng 6,399 gam;

- 25 viên nén màu xám nhãn hiệu dấu "-" đều là ma túy loại MDMA, tổng trọng lượng 7,381 gam.

Kết luận giám định số 3600 ngày 12/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội xác định:

* Tang vật thu giữ của Bùi Minh N:

- Chất bột màu trắng bên trong 01 túi nilon là ma túy loại Ketamine, trọng lượng 1,324 gam;

* Tang vật thu giữ khi tiến hành kiểm tra phòng trọ 201 nhà số 18 ngõ 180 Đ, M, N, Hà Nội gồm:

- Tinh thể màu trắng bên trong 01 túi nilon (kích thước 5x5cm) là ma túy loại Methamphetamine, trọng lượng 1,758 gam;

- Tinh thể màu trắng bên trong 05 túi nilon đều là ma túy loại Ketamine, tổng trọng lượng 5,797 gam;

- 40 viên nén màu nâu nhãn hiệu chữ "K" đều là ma túy loại MDMA, tổng trọng lượng 9,317 gam;

- 07 viên nén màu trắng nhãn hiệu chữ "I" đều là ma túy loại PMMA, tổng trọng lượng 1,865 gam;

Tại Cơ quan điều tra, Bùi Thị T khai nhận hành vi hai lần bán trái phép chất ma túy cho Bùi Minh N nêu trên, được hưởng lợi 1 triệu đồng. Nguồn gốc số ma túy T mua của đối tượng D (không xác định). Bùi Minh N khai nhận mua ma túy của T và C về chia nhỏ để sử dụng dần. Nguyễn Trọng T biết hộp giấy N đưa cho

bên trong có ma túy nhưng vẫn mang về giúp N. Nguyễn Hoàng S khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nêu trên.

Đối với Nguyễn Trúc L, Nguyễn Thị T H, Hoàng Hữu H có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận N ra quyết định xử phạt hành chính "Cảnh cáo".

Đối với đối tượng D, C liên quan đến hành vi bán ma túy cho T và N, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận N tách rút tài liệu để điều tra xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 161/CT-VKS ngày 25/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân quận N quyết định truy tố Bùi Thị T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b, m khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự, đối với Bùi Minh N về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm m khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự, đối với Nguyễn Trọng T về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự, đối với Nguyễn Hoàng S về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo khai nhận hành vi của mình, thành khẩn nhận tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo T khai rõ bán ma túy cho N ngày 22/3/2017 chưa được hưởng lợi gì.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quan điểm như cáo trạng truy tố và kết luận bị cáo Bùi Thị T đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại điểm b, m khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự, bị cáo Bùi Minh N đã phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm m khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự, bị cáo Nguyễn Trọng T đã phạm tội Vận chuyển trái phép chất ma túy quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự, bị cáo Nguyễn Hoàng S đã phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm p khoản 2 Điều 194. Sau khi đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, xem xét tình tiết giảm nhẹ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo T mức án từ 9 năm đến 9 năm 6 tháng tù, bị cáo N mức án từ 5 năm đến 5 năm 6 tháng tù, bị cáo T mức án từ 4 năm đến 4 năm 6 tháng tù, bị cáo S mức án từ 5 năm đến 5 năm 6 tháng tù. Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy ma túy và cân điện tử, tịch thu sung quỹ nhà nước 2 điện thoại di động.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt giữ người có hành vi phạm pháp quả tang, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định, phù hợp với lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 22/3/2017, tại số nhà 18 ngõ 180 Đ, M, N, Hà Nội, Bùi Thị T thực hiện hành vi bán trái phép 12,5 gam ma túy loại Ketamine cho Bùi Minh N.

Ngày 31/3/2017, tại số nhà 18 ngõ 180 Đ, M, N, Hà Nội, Bùi Thị T tiếp tục thực hiện hành vi bán trái phép 31,22 gam ma túy loại Ketamine, 7,381 gam ma túy loại MDMA cho Bùi Minh N bị lực lượng Công an bắt quả tang. Tổng trọng lượng ma túy Bùi Thị T bán trái phép cho Bùi Minh N là 51,101 gam ma túy ở thể rắn.

Ngày 30/3/2017, tại số nhà 18 ngõ 180 Đ, M, N, Hà Nội, Bùi Minh N có hành vi tàng trữ trái phép 9,922 gam ma túy loại Ketamine, 11,46 gam ma túy loại MDMA, 1,865 gam ma túy loại PMMA, tổng trọng lượng ma túy ở thể rắn Bùi Minh N tàng trữ trái phép là: 23,247 gam, mục đích để sử dụng. Nguyễn Trọng T có hành vi vận cHển trái phép 5,797 gam ma túy loại Ketamine, 9,317 gam ma túy loại MDMA, 1,865 gam ma túy loại PMMA, tổng trọng lượng Nguyễn Trọng T vận chuyển ma túy trái phép là 16,979 gam ma túy ở thể rắn. Nguyễn Hoàng S có hành vi tàng trữ 1,758 gam ma túy ma túy loại Methamphetamine, mục đích để sử dụng.

Hành vi của bị cáo Bùi Thị T đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy", tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm b, m khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự; Hành vi của bị cáo Bùi Minh N đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm m khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự; Hành vi của bị cáo Nguyễn Trọng T đã phạm vào tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy", tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự; Hành vi của bị cáo Nguyễn Hoàng S đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội danh và khung hình phạt được quy

định tại điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự. Như cáo trạng của Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ phù hợp pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền kiểm soát các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng. Các bị cáo nhận thức rõ việc mua bán, tàng trữ và vận chuyển chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn thực hiện với tính chất nguy hiểm cao, khối lượng ma túy lớn. Do đó, cần phải xử lý nghiêm, mới có tác dụng giáo dục riêng các bị cáo cũng như răn đe phòng ngừa chung.

Xét vai trò và nhân thân của từng bị cáo thấy: Bị cáo T mua bán ma túy nhiều lần với số lượng lớn; Bị cáo N tàng trữ số lượng ma túy tương đối lớn; Bị cáo T vận chuyển ma túy cho N để cất giấu; Bị cáo S có nhân thân xấu, năm 2011 có một tiền án về tội Cố ý gây thương tích chưa được xóa án tích, năm 2014 có một tiền án về tội Mua bán trái phép chất ma túy chưa được xóa án tích, lần phạm tội này tái phạm nguy hiểm, ngoài ra còn 01 tiền sự trong thời hiệu về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Từ phân tích trên thấy cần áp dụng mức hình phạt tù giam nghiêm khắc, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới tương xứng tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, phù hợp vai trò và nhân thân từng bị cáo

Tuy nhiên, khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo: Bị cáo T, N, T nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; các bị cáo khai báo thành khẩn, thái độ ăn năn hối cải. Đối với bị cáo phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy là N và S, được áp dụng Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự 2015 để áp dụng mức hình phạt. Bị cáo N còn lập công chuộc tội.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có tài sản, thu nhập nên không áp dụng hình phạt tiền.

Về vật chứng vụ án: Số ma túy đã thu giữ cần tịch thu tiêu hủy, 02 điện thoại di động của bị cáo T và bị cáo N là tài sản liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1- Tuyên bố bị cáo Bùi Thị T phạm tội "***Mua bán trái phép chất ma túy***"; các bị cáo **Bùi Minh N, Nguyễn Hoàng S** phạm tội "***Tàng trữ trái phép chất ma túy***"; bị cáo **Nguyễn Trọng T** phạm tội "***Vận chuyển trái phép chất ma túy***"

2- Áp dụng điểm b, m Khoản 2 Điều 194; Điều 33; Điều 41; Điểm p Khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Bùi Thị T, 10(Mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/3/2017.

3- Áp dụng điểm m Khoản 2 Điều 194; Điều 33; Điểm p, r Khoản 1và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội

Xử phạt Bùi Minh N, 05(Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/3/2017.

4- Áp dụng điểm p Khoản 2 Điều 194; Điều 33; Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội

Xử phạt Nguyễn Hoàng S, 06(Sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/3/2017.

5- Áp dụng Khoản 1 Điều 194; Điều 33; Điểm p Khoản 1và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Trọng T, 04(Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/3/2017.

6 - Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76, Điều 99, Điều 231, Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***** Vật chứng: - Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong bên trong có chứa ma túy, có chữ ký của Bùi Minh N và giám định viên; Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong bên trong có chứa ma túy và cân điện tử, có chữ ký của Bùi Minh N và giám định viên; Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong bên trong có chứa ma túy, có chữ ký của Nguyễn Trúc L, chữ ký của người giám hộ Nguyễn Thị Hải L và giám định viên; Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong bên trong có chứa ma túy, có chữ ký của Bùi Thị T và giám định viên.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đỏ- đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu trắng – vàng.

Theo biên bản giao nhận vật chứng số 168 ngày 06/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Hà Nội.

* Án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- VKSND Q.Nam Từ Liêm;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an Q.Nam Từ Liêm;
- TT lý lịch-Sở Tư pháp TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.NamTừ Liêm;
- Lưu HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Thắng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Thắng